**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

**Khoa/Viện: Khoa Ngoại Ngữ**

**Bộ môn: Bộ môn Biên - Phiên dịch**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần:**

Tên học phần:

* Tiếng Việt: **Tổng quan Phương pháp giảng dạy**
* Tiếng Anh: **Introduction to ELT**

Mã học phần: ENT378 Số tín chỉ: 2 (30LT)

Đào tạo trình độ: Đại học

Chương trình đào tạo: Ngôn ngữ Anh (4 chuyên ngành: Biên - phiên dịch; Tiếng Anh du lịch; Giảng dạy tiếng Anh; Song ngữ Anh - Trung)

Học phần tiên quyết:

**2. Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần trang bị cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh kiến thức lý thuyết về các phương pháp dạy và học tiếng Anh, kỹ năng quản lý lớp, soạn giáo án, kiểm tra-đánh giá và ứng dụng CNTT trong giảng dạy. Ngoài ra, học phần tạo cơ hội cho sinh viên tham gia dự giờ và thực tập giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ. Kết thúc học phần sinh viên có thể thiết kế bài giảng và giảng dạy kỹ năng Nghe-Nói, Đọc-Viết, Ngữ pháp-Ngữ âm, Từ vựng và giảng dạy theo phương pháp giao tiếp.

**3. Mục tiêu:**

Giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các bước cơ bản trong tiến trình giảng dạy Tiếng Anh như một ngoại ngữ. Đồng thời, sinh viên có kỹ năng lập kế hoạch và phương pháp học tập cho mục đích định hướng nghề nghiệp tương lai.

**4. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs):** Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

a. a) Nhận biết và phân tích được một số nội dung liên quan đến việc dạy học tiếng Anh trên thế giới và ở Việt Nam

b. b) Mô tả được các phương pháp giảng dạy tiếng Anh phổ biến

c. c) Mô tả đặc điểm người học tiếng Anh và phân tích tác động của các đặc điểm này đối với quá trình lựa chọn phương pháp, kỹ thuật, tài liệu giảng dạy

d. d) Phân tích các yếu tố liên quan đến người dạy và vai trò của người dạy trong việc kiến tạo môi trường học tập tích cực

e. e) Nắm bắt được các phương pháp quản lý các lớp học khác nhau và xử lý các tình huống trong lớp học

**5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra HP với Chuẩn đầu ra CTĐT:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình (PLOs)** | | | | | | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| a |  | X | X |  | X |  |  |  | X |  |
| b |  | X | X |  | X |  |  |  | X |  |
| c |  | X | X |  | X |  |  |  | X |  |
| d |  | X | X |  | X |  |  |  | X |  |
| e |  | X | X |  | X |  |  |  | X |  |

**6. Nội dung:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương/Chủ đề** | **Nhằm đạt CLOs** | **Số tiết** | |
| **LT** | **TH** |
| 1 | Giới thiệu  Giới thiệu học phần  Khung năng lực Châu Âu và khung năng lực 6 bậc của Việt Nam đối với Tiếng Anh | a | 2 |  |
| 2 | Tổng quan về dạy học tiếng Anh trên thế giới  (Chapter 1, Harmer)  Tiếng Anh trên thế giới  Người học tiếng Anh  Người dạy tiếng Anh | a | 5 |  |
| 3 | Các phương pháp dạy học tiếng Anh phổ biến  (Chapter 4, Harmer)  Grammar-Translation, The direct method, and Audiolingualism  Communicative Language Teaching  Task-based Learning  Four old humanistic methods  A procedure  Post-method and learning culture | b | 5 |  |
| 4 | Các vấn đề về người học tiếng Anh  (Chapter 5, Harmer)  Độ tuổi của người học ngoại ngữ  Phương pháp học tập  Động cơ học tập  Trình độ ngôn ngữ  Tính tự lập trong học tập | c | 5 |  |
| 5 | Các vấn đề về giáo viên tiếng Anh  (Chương 6, Harmer)  Đặc điểm của một giáo viên giỏi  Vai trò của giáo viên trong lớp học | d | 5 |  |
| 6 | Các vấn đề về lớp học  (Chương 7, Harmer)  Lớp đông và dạy kèm  Lớp trình độ hỗn hợp  Lớp có học sinh đặc biệt | e | 5 |  |
| 7 | Dự giờ và nhận xét  Tổng quan về dự giờ  Dự giờ và viết báo cáo phân tích lớp học theo các nội dung yêu cầu | a, b, c, d, e | 3 |  |

**7. Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá để đạt Chuẩn đầu ra HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phương pháp dạy học** | **Áp dụng cho  chủ đề** | **Nhằm đạt CLOs** |
| 1 | Thuyết giảng | 1, 2, 3, 4, 5, 6 | a, b, c, d, e |
| 2 | Thảo luận nhóm | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 | a, b, c, d, e |
| 3 | Thuyết trình | 2, 3, 4, 5, 6 | a, b, c, d, e |
| 4 | Nghiên cứu tình huống | 2, 3, 4, 5, 6, 7 | a, b, c, d, e |
| 5 | Xem phim tư liệu | 2, 3, 7 | a, b, c, d, e |

**8. Đánh giá kết quả học tập:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hình thức đánh giá** | **Nhằm đạt CLOs** | **Trọng số (%)** |
| 1 | Đánh giá quá trình | a, b, c, d, e | 50 |
| 2 | Thi cuối kỳ | a, b, c, d, e | 50 |

**9. Tài liệu dạy và học:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tác giả** | **Tên tài liệu** | **Năm xuất bản** | **Nhà xuất bản** | **Địa chỉ khai thác tài liệu** | **Mục đích sử dụng** | | |
| **Tài liệu chính** | **Tham khảo** |
| 1 | Jeremy Harmer | The Practice of English language Teaching (5th Edition) | 2015 | Pearson Education | Thư viện | X |  |
| 2 | Marianne Celce Murcia et al. | Teaching English as a second or foreign language (4th edition) | 2013 | Heilne ELT | Tủ sách Khoa NN |  | X |

*Ngày cập nhật*: *19/08/2024*

**NHÓM GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

**Nguyễn Thị Ngân**

**TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG BỘ MÔN**